TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **23**/2020/QĐST-DS	*Đ, ngày 23 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 93/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị N – sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số 200B, tổ 6, KP 114, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Anh Đoàn Thế C – sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp 1, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai;

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Anh Đoàn Thế C đồng ý thanh toán cho bà Trần Thị N số tiền nợ 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại

khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 của Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Bà Trần Thị N có trách nhiệm giao lại cho anh Đoàn Thế C bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 222234 ngày 30/12/2013 của UBND huyện Đ cấp cho anh Đoàn Thế C đối với thửa đất 328 tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại ấp 1, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai sau khi anh C thanh toán xong các khoản tiền nợ cho bà N.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm hòa giải thành 2.750.000đ: Các đương sự tự nguyện thỏa thuận mỗi người chịu ½, cụ thể:

Anh C tự nguyện chịu số tiền 1.375.000đ;

Bà N tự nguyện chịu số tiền 1.375.000đ nhưng bà N là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ. Bà N được miễn nộp tạm ứng án phí nên không xem xét, xử lý.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Xuân Hòa